TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/DS-ST
Ngày: 19 - 3 -2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
1. Bà Nguyễn Hồng Cúc
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2026.

Nguyên đơn: Bà Đinh Minh S, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ngã S, xã Giồng R, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng K – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Phạm Hoàng K thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ngã S, xã Giồng R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Minh S trình bày: Ông B có hỏi vay tiền bà nhiều lần, các lần vay bà không nhớ cụ thể, nhưng ông B vay rồi trả, sau đó lại tiếp tục vay tổng số tiền gốc ông B hỏi vay của bà là 56.000.000 đồng, hai bên có làm "Tờ thỏa thuận" ngày 07/6/2023 al có chữ ký xác nhận của ông B; lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/1.000.000 đồng nhưng ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay gốc và cũng không đóng lãi. Bà có đến gặp ông B để yêu cầu ông B thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nhưng ông B không thực hiện. Bà tiếp tục gửi đơn đến Ban lãnh đạo ấp Ngã Sáu để nhờ hòa giải tại buổi hòa giải ở ấp, ông B đã thừa nhận có nợ bà số tiền trên và cam kết trả trong vòng 30 ngày nhưng sau đó ông B lại tiếp tục không thực hiện. Việc cam kết và thỏa thuận trả nợ của ông B có thể hiện rõ trong biên bản hòa giải tại ấp Ngã Sáu, xã Giồng Riềng. Nay xét thấy quyền và lợi ích của bà bị xâm phạm, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B trả cho bà tổng số nợ gốc là 56.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi

kể từ thời điểm 07/6/2023al cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Đức B không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đinh Minh S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Minh S, buộc ông Nguyễn Đức B trả cho bà S số tiền vay gốc là 56.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo quy định là 10%/năm được tính kể từ ngày 01/4/2024 al (quy đổi ngày dương lịch là ngày 08/5/2024) đến ngày xét xử 19/3/2026 là 01 năm 10 tháng 11 ngày x 10%/năm x 56.000.000 đồng =10.472.000 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đinh Minh S khởi kiện yêu cầu ông B giao trả số tiền vay gốc là 56.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh được tính kể từ ngày 07/6/2023 al theo "Tờ thỏa thuận" cho đến ngày xét xử. Tại buổi hòa giải ngày 22/01/2024, ông B thừa nhận nợ bà S số tiền 56.000.000 đồng và cam kết thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 01/3/2024 al nên có căn cứ để xác định ông B còn nợ bà S số tiền gốc là 56.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của bà S, tại phiên tòa bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông B trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại tờ thỏa thuận chỉ thể hiện số nợ gốc, không có thể hiện phần lãi suất. Tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2024 của Tổ hòa giải ấp Ngã Sáu, bà S yêu cầu ông B trả một lần sẽ không tính lãi, còn nếu trả từng lần thì tính lãi như thỏa thuận. Ông B cam kết trả cho bà S trong vòng 30 ngày kể từ ngày 01/3/2024al nên các bên đã thỏa thuận lại về thời gian trả nợ nên khi ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ kể từ thời điểm thỏa thuận thì mới phát sinh nghĩa vụ trả lãi. Theo biên bản thời hạn 30 ngày kể từ ngày 01/3/2024al, như vậy đến ngày 01/4/2024 al (quy đổi ngày dương lịch là ngày 08/5/2024) ông B mới vi phạm nghĩa vụ tính lãi và phải chịu trách nhiệm trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/5/2024. Vì vậy, đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Minh S. Buộc ông Nguyễn Đức B trả cho bà S số nợ gốc là 56.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/5/2024. Buộc ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đinh Minh S khởi kiện ông Nguyễn Đức B về việc buộc trả nợ vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông B có địa chỉ cư trú tại xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Ông Nguyễn Đức B với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông Bo thụ lý vụ án, thông Bo hòa giải và triệu tập tham gia phiên Tòa xét xử nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang tiến hành xét xử vắng mặt ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Minh S về việc buộc ông Nguyễn Đức B trả số nợ vay gốc còn nợ là 56.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ, bà đã cung cấp cho Tòa án "Tờ thỏa thuận" ngày 07/6/2023 al có ký xác nhận của ông B. Mặc khác, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông Bo tố tụng cho ông B biết việc bà S kiện ông . Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông B không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà S cũng như chứng cứ do bà S cung cấp nên xem như ông B đã mặc nhiên thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà S, buộc ông B trả cho bà S số tiền gốc còn nợ là 56.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/6/2023 al nhưng tại "Tờ thỏa thuận" chỉ thể hiện ông B vay số tiền 56.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất và thời gian giao trả. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2024 tại ấp Ngã Sáu, bà S có yêu cầu ông B trả một lần thì sẽ không tính lãi, còn nếu trả từng lần thì sẽ tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận và phía ông B cũng đã thừa nhận nợ trên và cam kết trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày 01/3/2024 al nên giữa bà S và ông B đã có sự thỏa thuận lại về thời gian trả nợ. Nên ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi theo cam kết kể từ ngày 01/4/2024al (quy đổi ngày dương lịch là ngày 08/5/2024) thì ông B mới vi phạm nghĩa vụ tính lãi nên buộc ông B trả lãi theo quy định của pháp luật cho cho bà S kể từ ngày 08/5/2024.

Cụ thể như sau: từ ngày 08/5/2024 đến ngày 19/3/2026 là 01 năm 10 tháng 11 ngày = 1,87 năm

Số tiền 56.000.000 đồng x 10%/năm x 1,87 năm = 10.472.000 đồng. Vậy số tiền lãi buộc ông B trả cho bà S là 10.472.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử buộc ông B trả gốc và nợ lãi phát sinh cho bà S số tiền là 66.472.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông B không trả số nợ trên, thì ông B còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Do yêu cầu của bà S được chấp nhận nên buộc ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 66.472.000 x 5%= 3.323.600 đồng (làm tròn 3.324.000 đồng).

Hoàn trả cho bà S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.400.000 đồng theo bên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004078 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Minh S.

Buộc ông Nguyễn Đức B giao trả cho bà Đinh Minh S tổng số tiền gốc là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 10.472.000 đồng (mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông B chậm trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.324.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà Đinh Minh S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 004078 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 19-3-2026); đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang,;
- VKSNDKV5 –An Giang
- Phòng thi hành án KV 5 – An Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ